

Bản án số: 284/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 30-8-2023

“v/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Chất

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Hạnh và bà Nguyễn Thị Bích Liên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương: Ông Nguyễn Văn Tường - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 246/TLST-HNGĐ ngày 01/6/2023 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 317/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 28/7/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 223/2023/QĐST-HNGĐ ngày 14/8/2023 giữa:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Quang Tr, sinh năm 1987; Nơi cư trú: Khu dân cư M, phường T, thành phố L, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1991; Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: Khu dân cư M, phường T, thành phố L, tỉnh Hải Dương. Nơi ở hiện nay: Nhật Bản. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Quang Tr trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị L kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, thị xã L (nay là phường T, thành phố L), tỉnh Hải Dương vào ngày 03/6/2015. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh đã xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính cách và quan điểm sống của vợ chồng không hợp nhau nên thường xuyên xảy ra cãi nhau. Năm 2019, chị L đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản. Từ khi đi, chị L vẫn liên lạc về cho anh nhưng chủ yếu chỉ để nói chuyện với con. Khoảng tháng 4/2023, chị L xin nghỉ phép về Việt Nam thăm gia đình.

Sau khi về Việt Nam, chị L chỉ về ở cùng anh khoảng 3 ngày, sau đó thì về nhà mẹ đẻ ở. Tháng 5/2023 chị L đã quay trở lại Nhật Bản. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Nguyễn Thị L.

Về con chung: Vợ chồng anh có 01 con chung là Nguyễn Vũ Bảo N, sinh ngày 13/5/2016. Hiện nay, cháu N đang ở cùng anh. Sau khi ly hôn, anh và chị L đã thống nhất giao cháu N cho anh nuôi dưỡng. Chị L đã chuyển cho anh số tiền 300.000.000 đồng để anh nuôi con, do đó anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do anh Tr không cung cấp được địa chỉ của chị L ở Nhật Bản nên Tòa án đã tiến hành xác minh tại gia đình chị L. Bà Vũ Thị Đào (là mẹ đẻ của chị L) trình bày: Bà không biết địa chỉ cụ thể của chị L ở nước ngoài nên không cung cấp cho Tòa án được. Tuy nhiên chị L vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình bà qua điện thoại. Bà đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và đã thông báo cho chị L biết. Quan điểm của chị L là do vợ chồng không còn tình cảm nên anh Tr có đơn xin ly hôn, chị đồng ý. Về con chung: Chị xác định vợ chồng có 01 con chung như anh Tr trình bày là đúng. Sau khi ly hôn, do chị đang ở nước ngoài nên chị nhất trí giao cháu N cho anh Tr nuôi dưỡng. Chị đã chuyển cho anh Tr số tiền 300.000.000 đồng để anh Tr nuôi con, do đó chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự cơ bản chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Quang Tr ly hôn chị Nguyễn Diệu L. Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Vũ Bảo N, sinh ngày 13/5/2016 cho anh Tr nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh Tr, chị L tự thỏa thuận về việc cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết. Về án phí: Anh Tr phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Bị đơn chị Nguyễn Thị L hiện đang sinh sống và làm việc tại Nhật Bản, nơi cư trú trước khi xuất cảnh tại phường T, thành phố Chí L, tỉnh Hải Dương. Căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

[1.2] Quá trình giải quyết vụ án, anh Tr không cung cấp được địa chỉ cụ thể của chị L ở nước ngoài. Tòa án đã nhiều lần yêu cầu nhưng gia đình chị L đều trình bày không biết địa chỉ cụ thể của chị L ở Nhật Bản. Tòa án đã tiến hành giao các văn bản tố tụng cho bà Vũ Thị Đào là mẹ đẻ của chị L để bà Đào thông tin lại cho chị L biết việc Tòa án đang giải quyết vụ án ly hôn giữa anh Tr và chị L đồng thời tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng qua gia đình và niêm yết các văn bản tố tụng đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, do vậy, căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Quang Tr và chị Nguyễn Thị L kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, thị xã L (nay là phường T, thành phố L), tỉnh Hải Dương vào ngày 03/6/2015 nên là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh Tr và chị L đã xảy ra nhiều mâu thuẫn do tính cách và quan điểm sống không hợp nhau, thường xuyên xảy ra bất đồng trong cuộc sống cũng như trong việc làm ăn phát triển kinh tế gia đình. Năm 2019, chị L đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản. Từ khi đi, chị L vẫn liên lạc về cho anh Tr nhưng chủ yếu chỉ để gặp và nói chuyện với con. Nay anh Tr và chị L đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh Tr có đơn xin ly hôn, chị L đồng ý. Xét thấy, mâu thuẫn giữa anh Tr và chị L đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận cho anh Tr được ly hôn chị L là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về quan hệ con chung: Anh Nguyễn Quang Tr và chị Nguyễn Thị L có 01 con chung là Nguyễn Vũ Bảo N, sinh ngày 13/5/2016, hiện đang ở cùng anh Tr. Khi ly hôn, anh Tr và chị L đều có quan điểm giao cháu N cho anh Tr nuôi dưỡng. Xét thấy cháu N hiện đang ở với anh Tr, được học tập và phát triển

tốt, cháu N có quan điểm muốn được ở cùng anh Tr. Chị L đang ở nước ngoài, không có điều kiện để trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Do vậy, cần tiếp tục giao cháu N cho anh Tr nuôi dưỡng đến khi cháu N thành niên (tròn 18 tuổi) là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Tr và chị L đã tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Anh Nguyễn Quang Tr phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 3 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 37, Điều 147, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Quang Tr về các vấn đề sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Quang Tr ly hôn chị Nguyễn Thị L.

1.2. Về quan hệ con chung: Xử giao cho anh Nguyễn Quang Tr được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Nguyễn Vũ Bảo N, sinh ngày 13/5/2016 kể từ khi ly hôn cho đến khi con chung tròn 18 tuổi. Về việc cấp dưỡng nuôi con, anh Tr và chị L không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, chị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2. Về án phí: Anh Nguyễn Quang Tr phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được đối trừ với số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) anh Tr đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2022/0000764 ngày 01 tháng 6 năm 2023 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Anh Tr đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Quang Tr vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Chị Nguyễn Thị L vắng mặt được quyền kháng cáo bản án

trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương;
- UBND phường T, thành phố L, tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Chất